

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 01 năm 2019
"V/v Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tạ Hồng Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông **Phạm Mạnh Cường**
+ Bà **Vương Thị Thu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ: Ông **Đỗ Anh Tú** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 23 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2018 về việc tranh chấp "*Hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Đức H** - Sinh năm 1977

Địa chỉ: Khu 1, xã Y, huyện T, tỉnh P (*có mặt*)

Bị đơn: Chị **Lưu Thị H** - Sinh năm 1981

Nơi cư trú cuối cùng: Khu 1, xã Y, huyện T, tỉnh P

(*Đã bị Tòa án tuyên bố mất tích*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Nguyễn Đức H trình bày như sau:

- Anh và chị Lưu Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 07/10/1999 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện T, tỉnh P. Sau khi kết hôn anh và chị H cùng chung sống với nhau tại gia đình nhà anh. Đến năm 2014, anh nghe dư luận nói chị H có quan hệ với người đàn ông khác rồi chị H tự bỏ nhà, đi khỏi địa phương từ năm 2014 cho đến nay. Kể từ khi chị H bỏ nhà, bỏ địa phương đi thì không một lần trở về và hoàn toàn không có liên lạc gì với gia đình, người thân và cũng không ai có tin tức gì về chị H. Anh và gia đình đã tìm kiếm và hỏi thăm nhiều nơi nhưng cũng không ai có thông tin gì về chị H. Anh đã có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba thông báo tìm kiếm chị H trên các phương tiện thông tin đại chúng và tuyên bố chị H bị mất tích. Kể từ khi đăng thông tin tìm kiếm và tuyên bố chị H mất tích đến nay vẫn không thấy chị H trở về và không nhận được thông tin gì của chị H. Do chị H bỏ đi đã nhiều năm không có tin tức, tình cảm vợ chồng giữa anh

với chị H không còn vì vậy anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn đối với chị Lưu Thị H.

- Về con chung: Anh và chị H đã có với nhau 02 con chung là Nguyễn Đức H - Sinh ngày 09/9/2000 và Nguyễn Thị Thu Hg - Sinh ngày 15/02/2005. Cả hai con chung vẫn do anh chăm sóc nuôi dưỡng từ khi chị H bỏ đi cho đến nay. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Hg và quản lý cháu H đã thành niên. Anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

* Về phía bị đơn là chị **Lưu Thị H** đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, Tòa án cũng đã thông báo các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng chị Hà vẫn không có mặt tại Tòa án để giải quyết việc Hôn nhân vì vậy chị H không có lời khai và Tòa án cũng không tiến hành được phiên hòa giải theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng do bị đơn là chị Lưu Thị H không có mặt tại địa phương và đã bị Tòa án tuyên bố mất tích vì vậy việc quyết định xét xử vắng mặt chị H là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Đức H và chị Lưu Thị H kể từ khi kết hôn cho đến nay và xét yêu cầu của anh H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Anh Nguyễn Đức H và chị Lưu Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn do vậy hôn nhân giữa anh H và chị H là hợp pháp. Theo anh H trình bày và kết quả xác minh tại địa phương xác định chị H đã tự bỏ nhà và đi khỏi địa phương từ năm 2014 đến nay không trở về, cũng không thông tin, liên lạc cho gia đình, địa phương và không ai có tin tức gì về chị H. Tòa án cũng đã thông tin tìm kiếm chị H trên các phương tiện thông tin đại chúng và tuyên bố chị H bị mất tích nhưng đến nay vẫn không có thông tin gì về chị H. Do chị H bỏ đi khỏi gia đình đã lâu, ảnh hưởng đến quan hệ và tình cảm vợ chồng và trên thực tế quan hệ vợ chồng đã không còn tồn tại từ nhiều năm nay, vợ chồng đã không còn sống chung, không còn nghĩa vụ thương yêu, quan tâm chăm sóc nhau từ năm 2014 đến nay. Xét hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, xét yêu cầu ly hôn của anh H là chính đáng và có căn cứ, phù hợp với khoản 1, 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Anh H và chị H đã có với nhau 02 con chung là Nguyễn Đức H: Sinh ngày 09/9/2000 và Nguyễn Thị Thu Hg: Sinh ngày 15/02/2005. Cả hai con chung vẫn do anh H chăm sóc nuôi dưỡng từ khi chị H bỏ đi cho đến nay. Do chị H bị mất tích, xét nguyện vọng của con chung và nguyện vọng được nuôi dưỡng con của anh H là chính đáng, việc giao con cho anh H được tiếp tục nuôi dưỡng là cần thiết, đảm bảo được quyền lợi của con chung và cũng phù hợp với pháp luật.

Riêng đối với con chung là Nguyễn Đức H đến nay đã thành niên nên không đặt ra việc nuôi dưỡng nhưng cũng cần giao cho anh H có trách nhiệm quản lý.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị H bị mất tích, anh H tự nguyện không yêu cầu vì vậy trong vụ án này không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung và các vấn đề khác anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Anh H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba đã phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của anh H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- **Xử:** Cho anh **Nguyễn Đức H** được ly hôn với chị **Lưu Thị H**.

- **Về con chung:** Giao cho anh H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn Thị Thu Hg: Sinh ngày 15/02/2005 và có trách nhiệm quản lý con chung là Nguyễn Đức H: Sinh ngày 09/9/2000 (hiện cả hai con chung đều đang ở cùng anh H). Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con do anh H tự nguyện không yêu cầu.

- Về tài sản chung và các vấn đề khác do anh H không yêu cầu nên không giải quyết trong vụ án này.

- **Về án phí:** Anh Nguyễn Đức H phải chịu **300.000.đ** (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh H đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2016/0001414 ngày 10/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện; tỉnh;
- UBND xã Y;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ, án văn

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tạ Hồng Tuấn